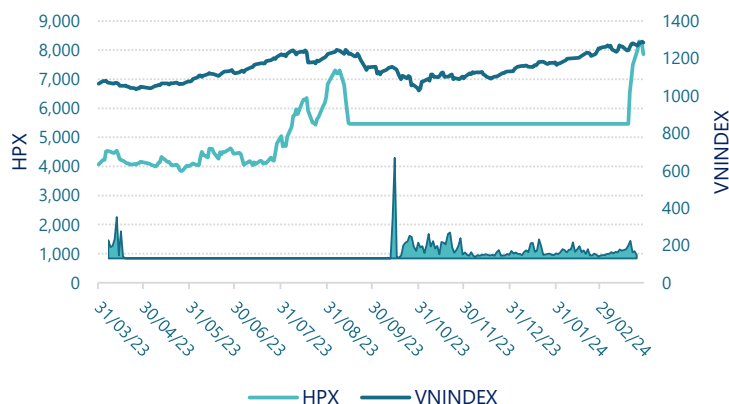


CTCP Đầu tư Hải Phát (HSX: HPX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	7,860
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,840
SL cổ phiếu LH	304,168,581
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,624,110
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,391
P/E	13.9
EPS	565

DT thuần

Q1/24

324

tỷ VNĐ

QoQ: ▼179 | -35.6%

YoY: ▲175 | 117%

LN sau thuế

Q1/24

15.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼57.0 | -78.3%

YoY: ▲42.0 | 160%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

20.5%

+/- YoY: ▼6.3%

DT thuần

2023

1,680

tỷ VNĐ

YoY: ▲470 | 38.8%

LN sau thuế

2023

135

tỷ VNĐ

YoY: ▲193 | 331%

ROE

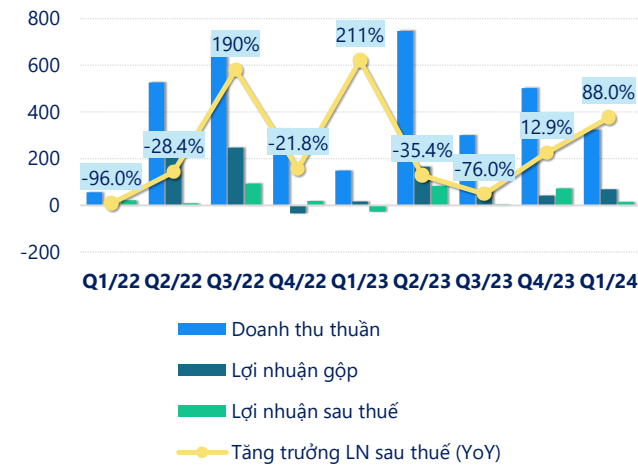
2023

3.6%

+/- YoY: ▲5.3%

tỷ VNĐ

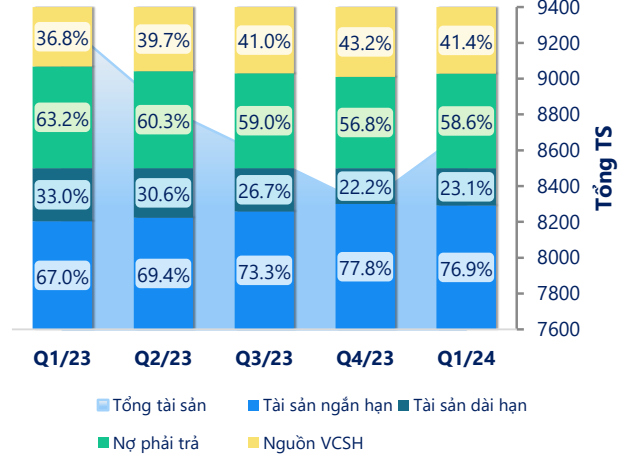
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

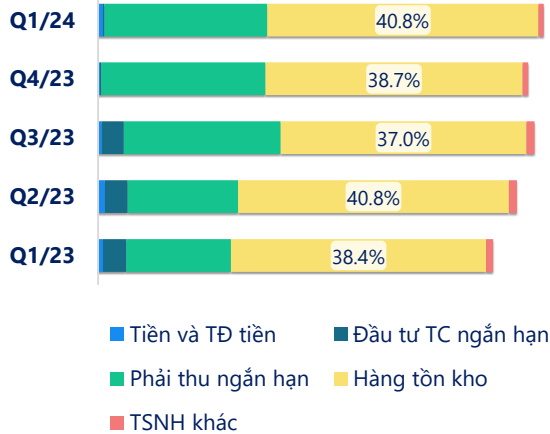
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



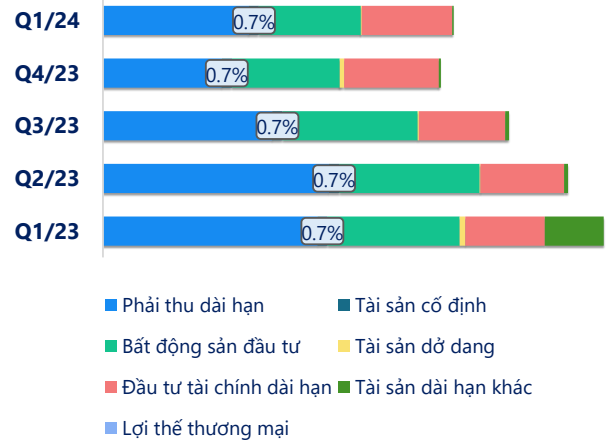
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

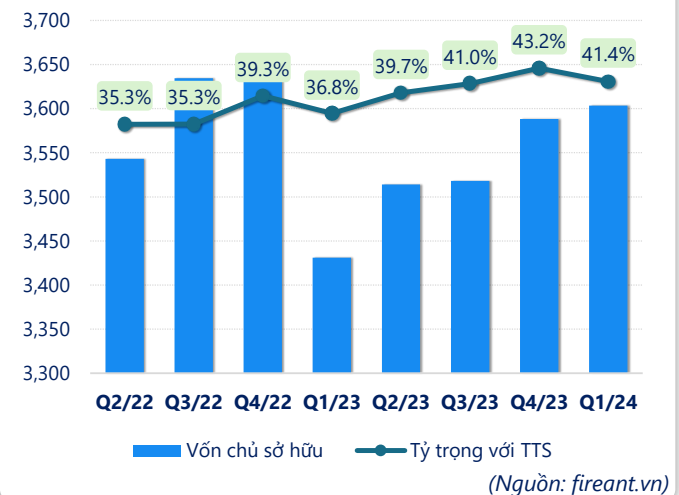
Nợ vay



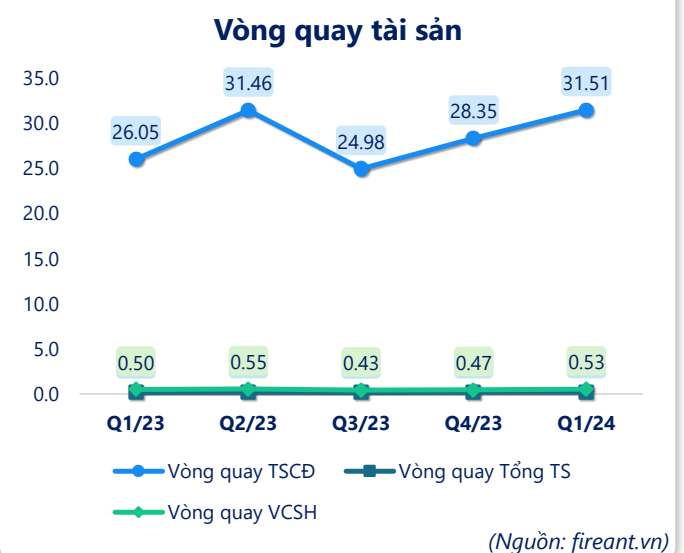
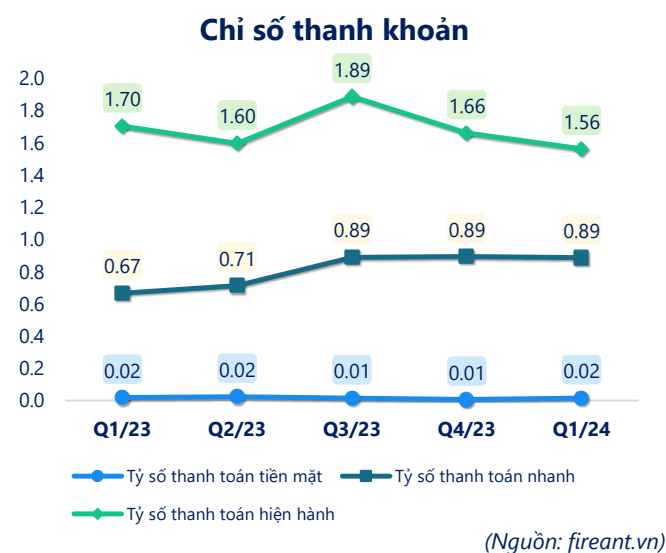
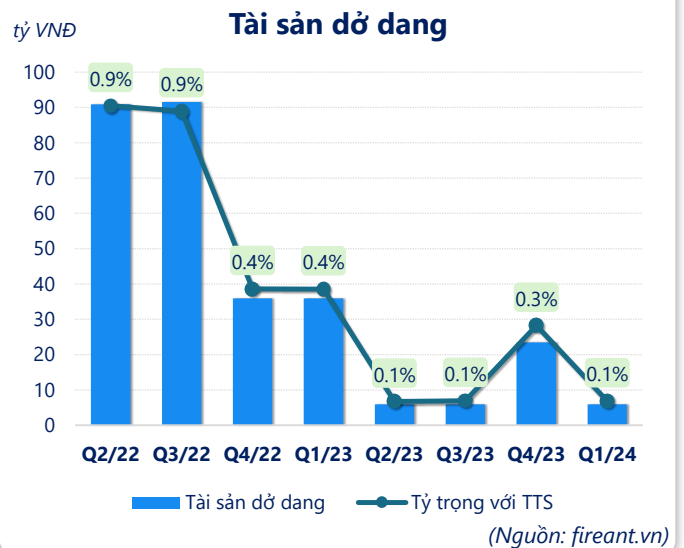
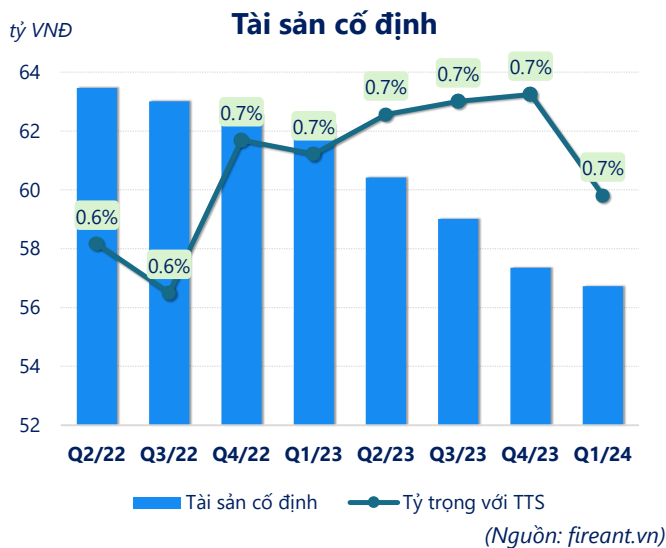
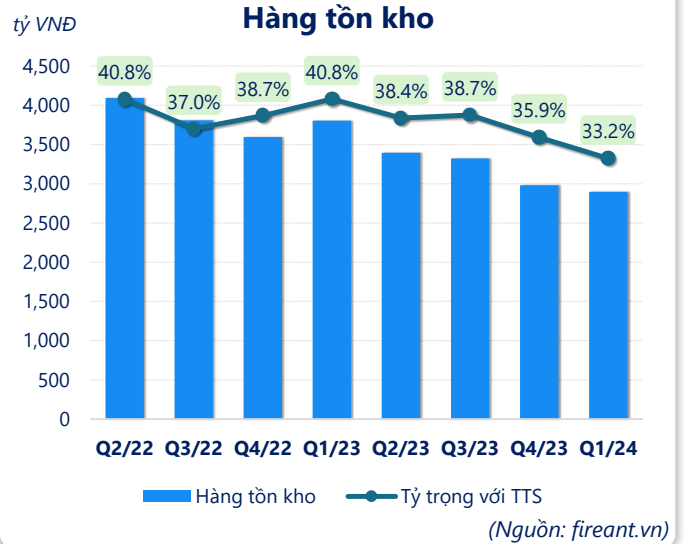
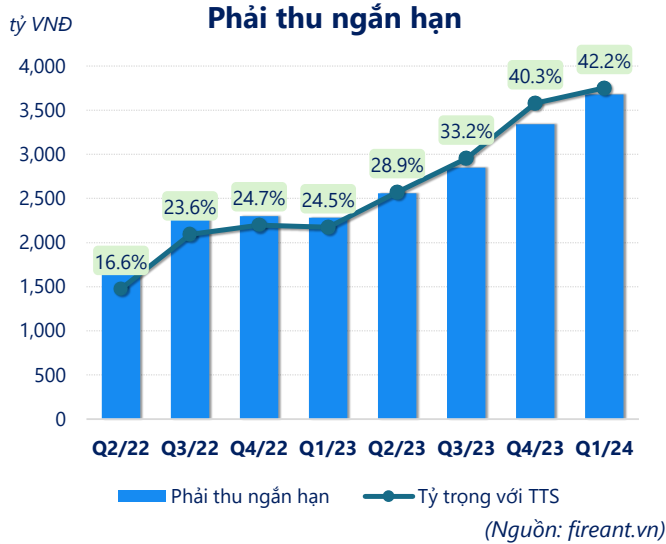
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	9,320	8,843	8,571	8,298	8,712
Tài sản ngắn hạn	6,248	6,137	6,280	6,453	6,700
Tiền và tương đương tiền	66.7	89.6	46.4	24.8	64.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.8	38.2	19.0	6.39	6.39
Phải thu ngắn hạn	2,281	2,560	2,847	3,342	3,678
Hàng tồn kho	3,803	3,394	3,320	2,980	2,895
Tài sản ngắn hạn khác	75.4	54.9	46.6	99.2	55.5
Tài sản dài hạn	3,072	2,706	2,291	1,846	2,011
Phải thu dài hạn	1,315	1,315	955	648	837
Tài sản cố định	62.2	60.4	59.0	57.4	56.7
Bất động sản đầu tư	810	816	762	588	584
Tài sản dở dang	35.9	5.95	5.95	23.4	5.95
Đầu tư tài chính dài hạn	487	487	487	518	518
Tài sản dài hạn khác	362	21.2	21.8	11.2	9.42
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	5,889	5,329	5,053	4,710	5,108
Nợ ngắn hạn	3,668	3,843	3,327	3,883	4,286
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,140	1,457	1,133	1,821	1,751
Phải trả người bán ngắn hạn	196	208	200	314	226
Nợ dài hạn	2,221	1,486	1,726	827	822
Vay và nợ thuê dài hạn	2,032	1,297	1,537	644	639
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,431	3,514	3,518	3,588	3,603
Vốn chủ sở hữu	3,431	3,514	3,518	3,588	3,603
Vốn điều lệ	3,042	3,042	3,042	3,042	3,042
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)